SAO Y
Ủy ban Nhân dân huyện Cầu Ngang
Thời gian ký: 22/02/2022 15:53:44 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22 /KH-UBND	*Cầu Ngang, ngày 22 tháng 02 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Cầu Ngang

Căn cứ Kế hoạch 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện ủy Cầu Ngang về việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 18/12/2021 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 32/NQ/HĐND ngày 18/12/2021 về phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cầu Ngang khóa XII – Kỳ họp thứ II;

Căn cứ Quyết định số 9181/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang thực hiện Kế hoạch số 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Cầu Ngang, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Huy động nhiều nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường đầu tư hạ tầng thiết yếu, đẩy mạnh hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, bảo đảm đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo mới, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu về giảm nghèo theo tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy, kế hoạch của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện và Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều 2,5%, trong đồng bào dân tộc Khmer giảm 3,82%; phấn đấu tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 2,09%; hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo trên địa bàn huyện.

- Thực hiện toàn diện, hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo để nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần, phấn đấu cuối năm 2022 tỷ lệ hộ

nghèo được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản phù hợp theo các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều trên địa bàn huyện tăng từ 2% - 3,5%.

(Kèm theo Phụ lục chỉ tiêu giảm nghèo của các xã – thị trấn)

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện các hoạt động, Dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Các phòng, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn triển khai thực hiện tốt các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trong năm 2022; *(Khi có nguồn vốn tỉnh phân bổ).*

2. Triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo

a) Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng ưu đãi hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giúp hộ gia đình tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi để phát triển sinh kế, góp phần ổn định cuộc sống, đảm bảo đủ điều kiện thoát nghèo bền vững.

b) Chính sách hỗ trợ về y tế: Thực hiện hỗ trợ đầy đủ, kịp thời thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng là người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người dân sống ở xã, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ; trong đó, ngân sách tỉnh bố trí để hỗ trợ 30% mức bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tiếp tục thực hiện hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh, hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quản lý phương thức chi trả khám chữa bệnh phù hợp hơn, tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ đáp ứng cơ bản mục tiêu an sinh trong chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người cận nghèo; tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám và chữa bệnh cho người dân; rút ngắn lộ trình BHYT toàn dân.

c) Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số: Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh, khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn huyện để nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng đảm bảo quyền được trợ giúp pháp lý của người nghèo và người dân tộc thiểu số khi có nhu cầu; thực hiện việc hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình; phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao về các kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý và các cơ quan, tổ chức có liên

quan. Tổ chức các cuộc truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn.

d) Chính sách hỗ trợ giáo dục: Thực hiện tốt các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, ấp đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ cho học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

đ) Chính sách hỗ trợ nhà ở: Triển khai đợt 1 năm 2022, hỗ trợ cho 189 hộ nghèo, hộ cận nghèo có khăn về nhà ở vay vốn tín dụng ưu đãi để cải thiện nhà ở theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với kinh phí 9.450 triệu đồng từ nguồn Ngân sách tỉnh chuyển ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và tiếp tục triển khai các đợt tiếp theo khi được tỉnh phân bổ vốn.

e) Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo khác trên địa bàn huyện.

3. Triển khai thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu: Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên và Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình định kỳ hàng tháng khi hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát để xác định, công nhận bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với những hộ gia đình có đời sống thật sự khó khăn do phải chịu hậu quả của các rủi ro, biến cố đột xuất trong năm và xác định được hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình để làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội theo quy định.

Tổ chức thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 vào cuối năm để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo trong năm 2022 và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm 2023.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và đề cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác giảm nghèo, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội; quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác giảm nghèo, nhất là Chỉ thị số số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện

ủy Cầu Ngang về việc công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến nhân dân và người nghèo bằng nhiều hình thức nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, loại bỏ dần tư tưởng trông chờ vào các chính sách của Nhà nước; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Các xã – thị trấn thường xuyên rà soát, đánh giá, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng nhóm hộ và nắm chắc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa chỉ; thường xuyên tổ chức rà soát, cập nhật thông tin của hộ nghèo theo từng ấp, khóm, trong đó nắm chắc các thông tin về hoàn cảnh sống, số người có khả năng lao động, nghề nghiệp của các thành viên, nguyên nhân chính dẫn đến nghèo, nhu cầu và năng lực của hộ gia đình để có biện pháp hỗ trợ đạt hiệu quả cho từng nhóm hộ, như:

- Đối với nhóm hộ không có khả năng lao động[1]: Đây là nhóm hộ không có khả năng thoát nghèo, các xã – thị trấn cần vận động, xã hội hóa để hỗ trợ và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Đối với nhóm hộ có khả năng lao động[2]: Đây là nhóm có khả năng thoát nghèo cao, các xã – thị trấn cần nắm nhu cầu, nguyện vọng của hộ, sau đó đầu tư đúng theo nguyện vọng như: tập trung hỗ trợ cho vay vốn, hỗ trợ tư liệu sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu tạo việc làm để giúp hộ thoát nghèo bền vững. Trong đó, đối với hộ có lao động trẻ cần tuyên truyền, vận động cho lao động trẻ tham gia các chương trình đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng để nâng cao thu nhập cho gia đình, ổn định cuộc sống.

- Đối với nhóm hộ có ít đất sản xuất: Cần hướng dẫn hộ chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, đưa các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với từng điều kiện đất đai, hỗ trợ đầu ra sản phẩm,… hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Đối với nhóm hộ có khả năng lao động nhưng chây lười lao động, mắc các tệ nạn xã hội, có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Đây là nhóm khó chuyển biến nhất, địa phương cần phân công các ngành, đoàn thể tập trung tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức cho hộ gia đình, trước khi triển khai các giải pháp hỗ trợ.

4. Các xã – thị trấn triển khai thực hiện tốt việc phân công chi bộ, chi hội đoàn thể và đảng viên phụ trách hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện ủy Cầu Ngang về việc công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm

---

[1] Hộ không có thành viên trong độ tuổi lao động (già yếu, trẻ em) hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động (bệnh tật).

[2] Hộ gia đình có thành viên trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động nhưng thiếu tư liệu sản xuất, thiếu việc làm.

2030. Đồng thời, kêu gọi mạnh thường quân phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng nghĩa xóm, trực tiếp tham gia giúp đỡ, hỗ trợ người nghèo.

5. Tăng cường tổ chức đào tạo nghề cho người lao động ở nông thôn, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số; trong đó, chú trọng đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, đào tạo nghề theo địa chỉ; tập trung giải quyết việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Các phòng, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ do ngành, địa phương phụ trách. Đặc biệt là hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản *(việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, hố xí hợp vệ sinh, thông tin)* để giúp hộ thoát nghèo bền vững.

7. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021 – 2025; trong đó, tập trung nguồn lực triển khai hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng các hình thức sinh kế, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn.

8. Các xã – thị trấn triển khai thực hiện hiệu quả các cuộc vận động theo Chủ trương của Tỉnh ủy tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 như: "Địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khá, giàu nhận hỗ trợ địa phương nghèo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn"; "Hộ khá, giàu giúp đỡ hộ nghèo". Khuyến khích các doanh nghiệp giúp đỡ các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Kế hoạch 59-KH/HU ngày 24/12/2021 của Huyện ủy Cầu Ngang về việc công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

9. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chính sách, dự án, giải pháp giảm nghèo ở cơ sở để có giải pháp điều chỉnh, bổ sung, uốn nắn những hạn chế, bất cập, phù hợp với tình hình thực tế tại các xã – thị trấn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trong đó, lồng ghép, tích hợp hiệu quả nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và huy động nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ từ các tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban ngành huyện căn cứ nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo

chức năng, nhiệm vụ do các phòng, ban ngành phụ trách; đảm bảo kịp thời, đạt hiệu quả.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện những vấn đề khó khăn, vướng mắc, phát sinh để tháo gỡ.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022; trong đó, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Kế hoạch phải kèm theo danh sách hộ dự kiến thoát nghèo, trong đó xác định nguyên nhân nghèo của từng hộ và đề ra giải pháp hỗ trợ phù hợp để đảm bảo cuối năm hộ thoát nghèo bền vững, thoát nghèo theo địa chỉ, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững theo kế hoạch đề ra.

- Lồng ghép và huy động tốt các nguồn lực trong xã hội để triển khai thực hiện các hoạt động, dự án giảm nghèo trên địa bàn; đồng thời, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo; đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản để thoát nghèo bền vững.

- Hàng quý ***(trước ngày 20 của tháng cuối quý)*** các phòng, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổng hợp tình hình triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững do các ngành, các xã, thị trấn phụ trách, gửi báo cáo về phòng Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động- Thương binh và xã hội tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo huyện./.

Nơi nhận:
- Sở LĐTBXH tỉnh (b/c);
- TT. HU, TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện (3 hệ);
- UBND các xã, thị trấn;
- BLĐVP, VX;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC

Chỉ tiêu giảm nghèo năm 2022 của các xã, thị trấn

(Kèm theo Kế hoạch số 22 /KH-UBND ngày 22 /02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo chung

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giảm		Tỷ lệ, số hộ còn lại cuối năm (so với tổng số hộ dân cư)	
		Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ
1	Thị trấn Mỹ Long	0,35	05	0,90	13
2	Thị trấn Cầu Ngang	0,31	05	0,98	16
3	Xã Hiệp Mỹ Tây	1,18	24	2,11	43
4	Xã Hiệp Mỹ Đông	0,30	05	2,13	36
5	Xã Mỹ Long Nam	0,10	02	1,09	20
6	Xã Mỹ Long Bắc	0,56	13	1,99	46
7	Xã Vinh Kim	0,69	29	1,44	61
8	Xã Mỹ Hòa	3,73	101	4,95	134
9	Xã Hiệp Hòa	4,50	117	5,50	143
10	Xã Kim Hòa	3,50	94	6,71	180
11	Xã Trường Thọ	5,20	153	6,22	183
12	Xã Nhị Trường	3,03	93	4,63	142
13	Xã Long Sơn	3,62	123	4,70	162
14	Xã Thạnh Hòa Sơn	3,92	98	4,84	121
15	Xã Thuận Hòa	3,26	76	3,86	90
Tổng cộng		**2,50**	**938**	**3,71**	**1.390**

2. Giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giảm		Tỷ lệ, số hộ còn lại cuối năm (so với tổng số hộ dân cư)	
		Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ
1	Thị trấn Mỹ Long	-	-	5,00	1
2	Thị trấn Cầu Ngang	-	-	4,13	5
3	Xã Hiệp Mỹ Tây	-	-	0,00	0
4	Xã Hiệp Mỹ Đông	-	-	8,70	2
5	Xã Mỹ Long Nam	-	-	0,0	0
6	Xã Mỹ Long Bắc	-	-	9,09	1
7	Xã Vinh Kim	-	-	4,17	1
8	Xã Mỹ Hòa	5,08	47	10,28	86
9	Xã Hiệp Hòa	4,56	64	9,03	124
10	Xã Kim Hòa	4,01	75	8,08	151
11	Xã Trường Thọ	4,74	102	9,42	203
12	Xã Nhị Trường	2,81	70	5,65	138
13	Xã Long Sơn	3,76	62	7,52	121
14	Xã Thạnh Hòa Sơn	3,16	62	5,85	110
15	Xã Thuận Hòa	3,36	47	6,72	82
Tổng cộng		**3,82**	**529**	**7,46**	**1.025**

3. Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giảm		Tỷ lệ, số hộ còn lại cuối năm (so với tổng số hộ dân cư)	
		Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ
1	Thị trấn Mỹ Long	0,69	10	2,64	38
2	Thị trấn Cầu Ngang	0,86	14	3,51	57
3	Xã Hiệp Mỹ Tây	2,02	41	8,06	164
4	Xã Hiệp Mỹ Đông	0,59	10	2,25	38
5	Xã Mỹ Long Nam	0,88	17	3,47	67
6	Xã Mỹ Long Bắc	0,82	19	3,33	77
7	Xã Vinh Kim	1,33	56	5,26	222
8	Xã Mỹ Hòa	2,37	64	9,42	255
9	Xã Hiệp Hòa	4,00	104	16,07	418
10	Xã Kim Hòa	4,18	112	16,74	449
11	Xã Trường Thọ	2,31	68	9,28	273
12	Xã Nhị Trường	2,31	71	9,23	283
13	Xã Long Sơn	2,16	74	8,71	298
14	Xã Thạnh Hòa Sơn	3,16	79	12,73	318
15	Xã Thuận Hòa	1,93	45	7,71	180
Tổng cộng		**2,09**	**784**	**8,36**	**3.137**